CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 05/NEWLAND/2024

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY TNHH ĐẤT MỚI**

Địa chỉ: Lô 133 - 1C, Đại lộ Độc Lập, KCN Sóng Thần 1, phường Dĩ An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Điện thoại: 0274.3737973 E-mail: hoangthichaulam@newlandvietnam.com

Mã số doanh nghiệp: 3700606200

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: không thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **Thực phẩm bổ sung: MEGMILK SNOW BRAND SNOWMILKMEGMI 3 (Dành cho trẻ từ 3 tuổi trở lên)**

2. Thành phần: Sữa bột tách béo, Dầu thực vật (Dầu hạt cọ, Dầu đậu nành, Dầu hướng dương oleic cao, Dầu cọ, Dầu dừa), Bột whey khử khoáng, Dextrin, Lactose, Đạm whey cô đặc, Sữa tách béo, Galacto-oligosaccharide, Bột bơ sữa, Các khoáng chất (Tricalci phosphat, Magnesi carbonat, Kali clorua, Calci carbonat, Kali citrat, Sắt (III) phosphat, Kẽm sulfat, Đồng sulfat, Mangan sulfat, Kali Iotua, Natri selenit), Dầu đơn bào (ARA), Các Vitamin (Natri-L-ascorbat, DL-alpha-tocopherol, Nicotinamid, D-pantothenat calci, Retinyl palmitat, Thiamin hydroclorid, Pyridoxin hydroclorid, Cholecalciferol, Beta-caroten, Riboflavin, Acid folic, Phytomenadion, Biotin), Dầu cá (DHA), Cholin chlorid, Taurin, Inositol, Nucleotide (Cytidine 5'-monophosphat, Muối Dinatri uridine 5'-monophosphat, Muối Dinatri Inosine 5'-monophosphate, Adenosine 5'- monophosphat, Muối Dinatri guanosine 5'- monophosphat), L-Carnitine tartrate.

Thông tin dị ứng: Có chứa sữa, đậu nành và các sản phẩm từ cá.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng.

Ngày sản xuất: 24 tháng trước hạn sử dụng. Hạn sử dụng: xem dưới đáy lon dưới dạng năm.tháng.ngày.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì: Quy cách đóng gói: Khối lượng tịnh: 900 g/hộp.

Chất liệu bao bì: Sản phẩm chứa trong hộp thiếc chuyên dụng. Bao bì đảm bảo vệ sinh ATTP.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

Xuất xứ: Úc

Nhà sản xuất: SNOW BRAND AUSTRALIA PTY. LTD.

Địa chỉ: 21 Mactier Street, Tatura, Victoria 3616, Úc.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

1. QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Aflatoxin M1	µg/kg	0,5

2. QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Chì	mg/kg	0,02
2	Thiếc	mg/kg	250
3	Arsen	mg/kg	0,5
4	Cadmi	mg/kg	1,0
5	Thuỷ ngân	mg/kg	0,05

3. QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Enterobacteriaceae	CFU/g	10^1
2	Staphylococci dương tính với coa gulase	CFU/g	10^2
3	Nội độc tố của Staphylococcus (Staphylococcal enterotoxin)	CFU/25g	KPH
4	L. monocytogens	CFU/g	10^2
5	Salmonella	CFU/25g	KPH

4. Quyết định 38/2008/QĐ-BYT về mức giới hạn tối đa của melamine nhiễm chéo trong thực phẩm do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Melamin	mg/kg	2,5

5. Thông tư 43/2014/TT-BYT quy định về quản lý thực phẩm chức năng

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Bình Dương, ngày 14 tháng 5 năm 2024

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

M.S.D.N: 3700606200 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TNHH ĐẤT MỚI - TP. DĨ AN - T. BÌNH DƯƠNG

Đào Lý

NỘI DUNG GHI NHÃN PHỤ SẢN PHẨM

Thực phẩm bổ sung: MEGMILK SNOW BRAND SNOWMILKMEGMI 3

(Dành cho trẻ từ 3 tuổi trở lên)

Thành phần: Sữa bột tách béo, Dầu thực vật (Dầu hạt cọ, Dầu đậu nành, Dầu hướng dương oleic cao, Dầu cọ, Dầu dừa), Bột whey khử khoáng, Dextrin, Lactose, Đạm whey cô đặc, Sữa tách béo, Galacto-oligosaccharide, Bột bơ sữa, Các khoáng chất (Tricalci phosphat, Magnesi carbonat, Kali clorua, Calci carbonat, Kali citrat, Sắt (III) phosphat, Kẽm sulfat, Đồng sulfat, Mangan sulfat, Kali Iotua, Natri selenit), Dầu đơn bào (ARA), Các Vitamin (Natri-L-ascorbat, DL-alpha-tocopherol, Nicotinamid, D-pantothenat calci, Retinyl palmitat, Thiamin hydroclorid, Pyridoxin hydroclorid, Cholecalciferol, Beta-caroten, Riboflavin, Acid folic, Phytomenadion, Biotin), Dầu cá (DHA), Cholin chlorid, Taurin, Inositol, Nucleotide (Cytidine 5'-monophosphat, Muối Dinatri uridine 5'-monophosphat, Muối Dinatri Inosine 5'-monophosphate, Adenosine 5'- monophosphat, Muối Dinatri guanosine 5'- monophosphat), L-Carnitine tartrate.

Thông tin dị ứng: Có chứa sữa, đậu nành và các sản phẩm từ cá.

Ngày sản xuất: 24 tháng trước hạn sử dụng.

Hạn sử dụng: xem dưới đáy lon dưới dạng năm.tháng.ngày.

Đối tượng sử dụng: Dành cho trẻ từ 3 tuổi trở lên

Hướng dẫn sử dụng:

- Rửa sạch tay và dụng cụ pha kỹ lưỡng
- Đun sôi nước uống trong vòng 1 phút và để nguội đến 50°C. Đổ nước ấm (210ml) vào cốc.
- Sử dụng thìa được cung cấp, thêm 7 thìa gạt phẳng vào nước.
- Khuấy đều cho đến khi bột hoàn toàn tan.
- Đảm bảo nhiệt độ ấm (37°C) trước khi cho trẻ ăn.

Khẩu phần khuyến nghị: 2-3 lần ăn/ngày

Hướng dẫn bảo quản: Sau khi mở, đậy kín hộp và bảo quản ở nơi khô ráo, thoáng mát. Sử dụng sản phẩm trong vòng 1 tháng sau khi mở nắp.

Khối lượng tịnh: 900 g

Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm cho trẻ dưới 3 tuổi.

Xuất xứ: Úc

Nhà sản xuất: SNOW BRAND AUSTRALIA PTY. LTD.

Địa chỉ: 21 Mactier Street, Tatura, Victoria 3616, Úc.

DƯỚI GIẤY PHÉP CỦA CÔNG TY MEGMILK SNOW BRAND Co., Ltd

Thương nhân nhập khẩu và công bố chất lượng sản phẩm: CÔNG TY TNHH ĐẤT MỚI. **Địa chỉ:** Lô 133 - 1C, Đại lộ Độc Lập, KCN Sóng Thần 1, phường Dĩ An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Nhập khẩu và phân phối bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SẢN XUẤT HƯƠNG THỦY. **Địa chỉ:** Nhà ở số 39 khu nhà ở tại phân khu 18 A, đường Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh **SĐT:** (028) 3620 9955

Số tự CB: 05/NEWLAND/2024

Bình Dương, ngày 14 tháng 5 năm 2024

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CÁ NHÂN

M.S.D.N: 3700606200 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH ĐẤT MỚI
TP. DĨ AN - T. BÌNH DƯƠNG

Đào Lý

M.S.D.N:3700606200-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH ĐẤT MỚI
T. DĨ AN - T. BÌNH DƯƠNG

PREPARATION INSTRUCTIONS

①Wash your hands and feeding utensils thoroughly.
②Boil drinking water for 1 minute and let cool to 50°C.
Pour the warm water(210ml) into a cup.
③Using the scoop provided, add 7 level scoops of milk powder to the water.
④Stir to mix until milk powder is completely dissolved.
⑤Ensure temperature of milk is lukewarm (37°C) before feeding.



INGREDIENTS: Skim milk powder (Cow's milk), Vegetable oils (Palm kernel oil, Soybean oil, High oleic sunflower oil, Palm oil, Coconut oil), Demineralized whey powder (Cow's milk), Dextrin, Lactose (Cow's milk), Whey protein concentrate (Cow's milk), Skim milk (Cow's milk), Galacto-oligosaccharides (Cow's milk), Buttermilk powder (Cow's milk), Minerals (Tricalcium phosphate, Magnesium carbonate, Potassium chloride, Calcium carbonate, Tripotassium citrate, Ferric pyrophosphate, Zinc sulfate, Cupric sulfate, Manganese sulfate, Potassium iodide, Sodium selenite), Single cell oil (ARA), Vitamins (Sodium L-ascorbate, DL-α-Tocopherol, Nicotinamide, Calcium D-pantothenate, Retinyl palmitate, Thiamine chloride hydrochloride, Pyridoxine hydrochloride, Cholecalciferol, β-Carotene, Riboflavin, Folic acid, Phytomenadione, Biotin), Fish oil (DHA), Choline chloride, Taurine, Inositol, Nucleotides (Cytidine 5'-monophosphate, Disodium uridine 5'-monophosphate salt, Disodium inosine 5'-monophosphate salt, Adenosine 5'-monophosphate, Disodium guanosine 5'-monophosphate salt), L-Carnitine tartrate. **(Contains fish, milk and soya products)**

NUTRITION INFORMATION OF snowmilkMEGMI:

		Per 100g of Powder	Per 100ml of Prepared Milk
Energy	kcal	458	78
Protein	g	16	2.7
Fat	g	17	2.9
Monounsaturated fatty acid	g	5.5	0.94
Polyunsaturated fatty acid	g	3.2	0.54
Saturated fatty acids	g	6.2	1.1
Trans Fatty Acids	g	0	0
Carbohydrates	g	60	10
Ash	g	3.6	0.61
Moisture	g	3.0	—
Vitamin A	μg RE	405	69
Vitamin B1	μg	370	63
Vitamin B2	μg	800	136
Vitamin B6	μg	360	61
Vitamin B12	μg	1.8	0.31
Vitamin C	mg	68	12
Vitamin D3	μg	6.7	1.1
Vitamin E	mg α-TE	5.4	0.92
Vitamin K1	μg	38	6.5
β-Carotene	μg	60	10
Niacin	mg	4.7	0.80
Pantothenic Acid	μg	3000	510
Folic Acid	μg	90	15
Biotin	μg	13	2.2
Choline	mg	100	17
Inositol	mg	36	6.1
Carnitine	mg	10	1.7
Calcium	mg	600	102
Phosphorus	mg	390	66
Iron	mg	7.5	1.3
Potassium	mg	680	116
Sodium	mg	180	31
Iodine	μg	100	17
Copper	μg	250	43
Zinc	mg	3.6	0.61
Magnesium	mg	100	17
Manganese	μg	60	10
Chloride	mg	410	70
Selenium	μg	12	2.0
Linoleic acid	mg	2700	459
α-Linolenic acid	mg	270	46
Oleic acid	g	5.5	0.94
Docosahexaenoic acid (DHA)	mg	10	1.7
Arachidonic acid (ARA)	mg	12	2.0
Nucleotides	mg	12	2.0
CMP	mg	5.0	0.85
UMP	mg	2.3	0.39
AMP	mg	1.8	0.31
GMP	mg	1.0	0.17
IMP	mg	1.5	0.26
Galacto-oligosaccharides (GOS)	g	0.90	0.15
Sialic acid	mg	200	34
Phospholipid	mg	240	41
Phosphatidylcholine	mg	55	9.4
Phosphatidylserine	mg	20	3.4
Sphingolipid	mg	90	15
Sphingomyelin	mg	54	9.2
Ganglioside	mg	12	2.0
Arginine	mg	400	68
Cystine	mg	200	34
Tryptophan	mg	200	34
Taurine	mg	32	5.4

ATTENTION: The milk powder is packed in Nitrogen gas to keep its freshness. After opening, keep can tightly closed and store in a cool and dry place. Consume the contents within 1 month after opening. Manufacturing date and Expiry date are indicated on bottom of can.

4 903050 509096

MADE IN AUSTRALIA(Reg. No.6082) UNDER LICENCE OF MEGMILK SNOW BRAND Co., Ltd.
6-1-1, Naebo-cho, Higashi-ku, Sapporo, Hokkaido, Japan.
SNOW BRAND AUSTRALIA PTY. LTD.
21 Mactier Street, Tatura, Victoria 3616, Australia.

3歳から FROM 3 YEARS OLD

MEGMILK SNOW BRAND

めぐみ

snowmilkMEGMI

ショ糖 不使用

DHA·ARA
GOS
5種ヌクレオチド
シアル酸
カルシウム
ビタミンD
ビタミンK
鉄

3



MADE IN AUSTRALIA
GROWING UP FORMULA

内容量 NET WEIGHT 900g

"snowmilkMEGMI" FOR CHILDREN FROM 3 YEARS OLD

Children require well-balanced nutrition to support their rapid physical growth and mental development during their early childhood. At the same time, maintaining a healthy digestive system and building a strong immune system are equally important. "snowmilkMEGMI" contributes to children's growth and retains natural milk flavor with no added sugar!

DHA, ARA & Choline
Important for the growth and development of brain and nervous system during infancy and childhood. Help promoting the learning ability

Galacto-oligosaccharides (GOS)
Helps the development and the maturation of digestive, absorptive, and also immune function

5 Nucleotides
Contribute to the digestive tract maturation of infants, and the stimulation of immune system and fat metabolism

Sialic acid
Found in breast milk and thought to prevent infections with pathogens

Calcium & Magnesium
Essential nutrients for formation of bones and teeth

Vitamin D
Helps intestinal calcium absorption and bone formation

Vitamin K
Maintains proper blood coagulation

Iron
Essential for formation of red blood cells and helps brain development

BREAST MILK SURVEYS & RESEARCH

MEGMILK SNOW BRAND had conducted **"Breast milk surveys" first in Japan in 1960.** The nationwide breast milk surveys, which MEGMILK SNOW BRAND Group has implemented a total of **3 times (1960, 1989 and 2015),** have especially played an important role not only in the product development also in the development of pediatric nutrition in Japan. Our Breast milk results are cited in **"Dietary Reference Intakes for Japanese (2020)"** for estimating the nutrients needed for breastfeeding mothers and infants. The latest survey has begun in 2015 and aims to collect more than **5,000 milk samples** from 1,200 mothers.

Breast milk component analyses
- Nutritional components
- Functional components

Baby development survey
- Motor ability, Language development
- Mental, Social development

Mother dietary survey
- Intake of foods
- Intake of nutritional components

Mother & baby life style survey
- Baby's growth, Feeding method, History of illness
- Health status, Problems in childcare

BREAST MILK SURVEYS & RESEARCH (Official page)
https://www.meg-snow.com/snowbaby/en/labo

CHAN NAM TSS

CÔNG TY CP DV KHOA HỌC CÔNG NGHỆ CHẤN NAM
VP: 80-82-84 Thăng Long, P. 4, Q. Tân Bình, Tp. HCM
PNM & TN: 156/29.31 Tô Hiến Thành, P.15, Quận 10 , Tp. HCM
Điện thoại: 028.39911131 - 028.39911132 - Hotline: 0901372755
Email: info@channam.com.vn - Website: www.channam.com.vn

VILAS 677

Số: 24040225-1/KQ

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số: 24030725/2403341

Tên khách hàng: **CÔNG TY TNHH ĐẤT MỚI**

Địa chỉ: Lô 133 - 1C, Đại lộ Độc Lập, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Ngày nhận mẫu: 29/03/2024 Thời gian thử nghiệm: 29/03-12/04/2024

Ngày trả kết quả: 12/04/2024

Tên mẫu: **Thực phẩm bổ sung: MEGMILK SNOW BRAND SNOWMILKMEGMI3**

(Dành cho trẻ từ 3 tuổi trở lên)

Số lượng: 01 mẫu

Tình trạng mẫu: Mẫu dạng bột, đựng trong lon kín, thành phẩm

Kết quả: Xem 2,3/3

Phụ trách PTN	TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Thụy Thanh Thảo	Lê Quốc Việt

1. Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử / This testing result is only valid on tested sample
2. Thông tin mẫu do khách hàng cung cấp / Sample information was provided by the customer
3. (*) Chỉ tiêu được VILAS công nhận / Item was accredited by VILAS
4. (i) Chỉ tiêu được Cục An Toàn Thực Phẩm (Bộ Y Tế) chỉ định / Item was assigned by Vietnam Food Administration (Ministry of Health)
KPH: Không phát hiện / ND: Not detected, LOD: Giới hạn phát hiện / Limit of detection.

STT	CHỈ TIÊU	KẾT QUẢ			ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ
		100g	100mL(a)	100kcal		
01	Năng lượng	442	75,3	100	kcal	TCVN 7088:2015
02	Hàm lượng Protein (Nx6,25) (*)	13,8	2,4	3,1	g	TCVN 8125:2015
03	Hàm lượng chất béo tổng số (*)	18,9	3,2	4,3	g	TCVN 6688-1:2007
04	Total Carbohydrat	54,2	9,2	12,3	g	AOAC 986.25 & FAO Food & Nutrition paper 77 (2003)
05	Vitamin A (*)	200	34,1	45,2	µg	TCVN 7081-2:2010
06	Vitamin D3 (Cholecalciferol)	4,85	0,8	1,1	µg	H168:2023 (TK. TCVN 11671:2016 & TCV 8973:2011)
07	Vitamin E (*)	3,94	0,7	0,9	mg	TCVN 8276:2018
08	Vitamin C	48,3	8,2	10,9	mg	H205:2023 (TK.TCVN 8977:2011)
09	Vitamin B1 (Thiamin)	323	55,0	73,1	µg	H204:2023 (Ref. AOAC 2015.14 & 2012.16)
10	Vitamin B2 (Riboflavin)	975	166	221	µg	H204:2023 (Ref. AOAC 2015.14 & 2012.16)
11	Nicotinamid	5,94	1,01	1,34	mg	H204:2023 (Ref. AOAC 2015.14 & 2012.16)
12	Vitamin B6	360	61,3	81,4	µg	H204:2023 (Ref. AOAC 2015.14 & 2012.16)
13	Acid folic	105	17,9	23,8	µg	H220 (Ref. Journal of AOAC International Vol 101, No.5, 2018)
14	Vitamin B12 (Cyanocobalamin)	1,71	0,29	0,39	µg	QTTN/KT3 160:2017
15	Vitamin K1	34,4	5,9	7,8	µg	QTTN/KT3 227:2018 (Ref. AOAC 999.15)
16	Natri (Na)	158	26,9	35,7	mg	H252 (TK. TCVN 10641:2014)
17	Calci (Ca) (*)	594	101	134	mg	TCVN 6269:2008

STT	CHỈ TIÊU	KẾT QUẢ			ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ
		100g	100mL[(a)]	100kcal		
18	Phospho (P) (*)	401	68,3	90,7	mg	TCVN 9516:2012
19	Magie (Mg) (*)	56,5	9,6	12,8	mg	TCVN 6269:2008
20	Sắt (Fe) (*)	8,16	1,4	1,8	mg	AOAC 999.11
21	Kẽm (Zn) (*)	4,09	0,7	0,9	mg	AOAC 999.11
22	Iod	76,9	13,1	17,4	µg	EN 15111-2007
23	Selen (Se)	20	3,4	4,5	µg	H250 (Ref. AOAC 2015.06)
24	Tro tổng	3,29	0,6	0,7	g	H33 (Ref. FAO, p.228, 14/7, 1986)
25	Độ ẩm (*)	3,85	0,7	0,9	g	H30 (Ref. FAO, p.205, 14/7, 1986)

Ghi chú:

(a) Kết quả tính /100mL được tính dựa trên công thức pha: 38,5g sữa bột + nước pha thành 226mL dung dịch sữa do khách hàng cung cấp

Chỉ tiêu số 14,22 được thực hiện bởi nhà thầu phụ

CHAN NAM TSS

CÔNG TY CP DV KHOA HỌC CÔNG NGHỆ CHẤN NAM

VP: 80-82-84 Thăng Long, P. 4, Q. Tân Bình, Tp. HCM
PNM & TN: 156/29_31 Tô Hiến Thành, P.15, Quận 10 , Tp. HCM
Điện thoại: 028.39911131 - 028.39911132 - Hotline: 0901372755
Email: info@channam.com.vn - Website: www.channam.com.vn

VILAS 677

Số: 24040225-2/KQ

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số: 24030725/2403341

Tên khách hàng: **CÔNG TY TNHH ĐẤT MỚI**

Địa chỉ: Lô 133 - 1C, Đại lộ Độc Lập, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Ngày nhận mẫu: 29/03/2024 Thời gian thử nghiệm: 29/03-04/04/2024

Ngày trả kết quả: 12/04/2024

Tên mẫu: **Thực phẩm bổ sung: MEGMILK SNOW BRAND SNOWMILKMEGMI 3 (Dành cho trẻ từ 3 tuổi trở lên)**

Số lượng: 01 mẫu

Tình trạng mẫu: Mẫu dạng bột, đựng trong lon kín, thành phẩm

Kết quả: Xem 2/2

Phụ trách PTN	TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Thụy Thanh Thảo	Lê Quốc Việt

1. *Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử / This testing result is only valid on tested sample*
2. *Thông tin mẫu do khách hàng cung cấp / Sample information was provided by the customer*
3. *(*) Chỉ tiêu được VILAS công nhận / Item was accredited by VILAS*
4. *(i) Chỉ tiêu được Cục An Toàn Thực Phẩm (Bộ Y Tế) chỉ định / Item was assigned by Vietnam Food Administration (Ministry of Health)*
   KPH: Không phát hiện / ND: Not detected, LOD: Giới hạn phát hiện / Limit of detection.

STT	CHỈ TIÊU	KẾT QUẢ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ
01	Chì (Pb) (*)	Không phát hiện (LOD=0,01)	mg/kg	H157:2022 (TK.TCVN 10912:2015)
02	Cadimi (Cd) (*)	Không phát hiện (LOD=0,01)	mg/kg	H157:2022 (TK.TCVN 10912:2015)
03	Arsen (As) (*)	Không phát hiện (LOD=0,05)	mg/kg	H157:2022 (TK.TCVN 10912:2015)
04	Thủy ngân (Hg) (*)	Không phát hiện (LOD=0,03)	mg/kg	H157:2022 (TK.TCVN 10912:2015)
05	Thiếc (Sn)	Không phát hiện (LOD=6)	mg/kg	H251 (Ref. AOAC 2015.06)
06	Aflatoxin M1	Không phát hiện (LOD=0,02)	µg/kg	TCVN 6685:2009
07	Melamin (*)	Không phát hiện (LOD=0,5)	mg/kg	H139:2022 (Ref. LIB 4423)
08	Staphylococci dương tính với coagulase	<10	CFU/g	TCVN 4830-1:2005
09	Nội độc tố của Staphylococcus (Staphylococcal enterotoxin)	Không phát hiện	/25g	TCVN 12753:2019 (ISO 19020:2017)
10	*Listeria monocytogenes* (*)	<10	CFU/g	TCVN 7700-2:2007
11	Enterobacteriaceae	<10	CFU/g	TCVN 5518-2:2007
12	*Salmonella* spp. (*)(i)	Không phát hiện	/25g	TCVN 10780-1:2017

Ghichú: *Chỉ tiêu số 08,10,11: < 10 CFU/g được xem là không phát hiện*